

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Anh Dũng

2/ Bà Trương Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3125/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim Y, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kim Y trình bày: Chị và anh Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 23/7/2001. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ chồng ở thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, đôi lúc anh N còn đánh đập chị. Nguyên nhân do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh N sống không chung thủy, không lo cho kinh tế gia đình và giúp đỡ chị chăm sóc con. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng sống hòa thuận nhưng không có kết quả. Tháng 8/2025, mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng nên chị về nhà mẹ ruột ở xã S, Quảng Ngãi sinh sống, không liên lạc với anh N. Chị không còn tình cảm với anh N, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Chị và anh Trần Văn N có 02 con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 12/6/2002 và Trần Ngọc Q1, sinh ngày 25/6/2008. Hiện 02 con đang ở với anh N. Con Trần Văn Q hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con Trần Ngọc Q1. Chị không yêu cầu Tòa giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần Văn N không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận cho chị Lê Thị Kim Y được ly hôn anh Trần Văn N; 02 con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 12/6/2002 và Trần Ngọc Q1, sinh ngày 25/6/2008 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Chị Lê Thị Kim Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Kim Y yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn” anh Trần Văn N có địa chỉ cư trú tại phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị Kim Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt chị Y và anh N.

[3] Chị Lê Thị Kim Y và anh Trần Văn N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa chị Lê Thị Kim Y và anh Trần Văn N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chăm sóc và tin tưởng lẫn nhau. Chị Y và anh N đã sống ly thân, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời gian dài. Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng anh N không có ý kiến, không có biện pháp nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim Y là có căn cứ, phù hợp với thực tế mâu thuẫn của vợ chồng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị Lê Thị Kim Y và anh Trần Văn N có 02 con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 12/6/2002 và Trần Ngọc Q1, sinh ngày 25/6/2008. Tại thời điểm mở phiên tòa, hai con chung đều đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và các đương sự không có yêu cầu khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kim Y không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Lê Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm g Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim Y. Cho chị Lê Thị Kim Y ly hôn anh Trần Văn N.

2. *Về con chung*: Chị Lê Thị Kim Y và anh Trần Văn N có 02 con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 12/6/2002 và Trần Ngọc Q1, sinh ngày 25/6/2008. Các con đều đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Kim Y không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thị Kim Y phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001324 ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
 - VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
 - Phòng THADS khu vực 2 - Gia Lai;
 - UBND phường An Nhơn Bắc
- (ĐKKH số: 05 ngày 20/01/2011 tại UBND phường Nhơn Thành);
- Các đương sự;
 - Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng